

DANH SÁCH HỌC SINH CHƯA ĐĂNG KÝ TỔ HỢP MÔN HỌC
Cập nhật lúc 21h00, ngày 09/8/2026.

Stt	Họ và tên	SBD	Ngày sinh	Giới tính	Trường THCS	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh
1	Hồ Tấn Nguyên	100002	14/12/2011	Nam	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang			
2	Lê Thảo Nhi	100003	11/07/2010	Nữ	Âu Cơ-Nha Trang			
3	Nguyễn Trọng Nhật Khang	100004	21/01/2011	Nam	Mai Xuân Thưởng			
4	Nguyễn Gia Huy	100008	28/06/2011	Nam	Mai Xuân Thưởng			
5	Lhoneux Trần Antoine	150021	26/07/2011	Nam	Võ Văn Ký	4,5	7	7,75
6	Trần Ngọc Minh Anh	150042	27/03/2011	Nữ	Yersin-Nha Trang	6,5	7	8,5
7	Trần Quốc Bảo	150100	21/06/2011	Nam	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	7,5	8,75	8,5
8	Phan Hoàng Thiên Bảo	150104	28/04/2011	Nam	Lý Thường Kiệt-Bắc Nha Trang	6,75	5	8,5
9	Tơ Thị Như Quỳnh	150819	26/12/2011	Nữ	Lý Thái Tổ	8,75	8	8,25
10	Thiều Minh Tường	150910	25/06/2011	Nam	Trung Vương	5,75	9	5,25
11	Nguyễn Lê Khánh Huyền	160211	14/11/2011	Nữ	Mai Xuân Thưởng	7,25	9	7,5
12	Lê Ngọc Huy Khoa	160277	25/12/2011	Nam	Âu Cơ-Nha Trang	7,75	8,25	8,75
13	Phạm Phúc Nghi	160388	06/10/2011	Nữ	TH,iSchool Nha Trang	6,25	8,75	7,25
14	Nguyễn Huy Phúc	160473	07/11/2011	Nam	Âu Cơ-Nha Trang	7,5	8,5	8,25
15	Vũ Nhật Phương	160495	16/05/2011	Nữ	TH,iSchool Nha Trang	6,5	8,5	9,25
16	Trần Ngọc Diễm Quỳnh	160524	02/01/2011	Nữ	TH,iSchool Nha Trang	6,75	8,5	8,25
17	Trương Nguyễn Tiến Dũng	170134	15/08/2011	Nam	Cao Thắng	6,75	9	4,5
18	Huỳnh Tiến Đạt	170146	06/12/2011	Nam	Trung Vương	5,5	8,75	8
19	Trần Lê Gia Huy	170266	01/07/2011	Nam	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	6,5	8,75	6,25
20	Nguyễn Lan Phương	170658	19/09/2011	Nữ	Yersin-Nha Trang	6,25	7,5	7,75
21	Lê Song Thư	170841	12/11/2011	Nữ	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	6,5	6,75	9,25
22	Hoàng Ân	180073	04/07/2011	Nam	Lam Sơn	6,25	8,5	5,5
23	Trần Ngọc Phương Vy	181058	04/07/2011	Nữ	Võ Thị Sáu-Nam Nha Trang	7,25	8,25	4,75